

**TƯ TƯỞNG ĐỀ CAO NHO GIÁO CỦA VUA MINH MỆNH
TRONG MINH MỆNH CHÍNH YẾU**

Lê Cảnh Vững

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Tóm tắt. Nho giáo là một học thuyết chính trị - xã hội ảnh hưởng sâu đậm đến chính sách cai trị của nhiều nước phương Đông, trong đó có Việt Nam. Đối với triều Nguyễn - triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam, Nho giáo cũng được chọn lựa làm học thuyết cai trị đất nước khi những tư tưởng phương Tây chưa có ảnh hưởng đáng kể đến sự thay đổi tư duy của giai cấp phong kiến. Vua Minh Mệnh là vị vua thứ hai của triều Nguyễn. Sau khi kế thừa sự nghiệp thống nhất quốc gia của vua Gia Long, vua Minh Mệnh bắt tay xây dựng quốc gia với không ít khó khăn. Việc chọn lựa Nho giáo với lý tưởng xây dựng một nhà nước trung ương tập quyền vững mạnh đã được vua Minh Mệnh thực hiện khá hoàn hảo. Những nội dung cơ bản của Nho giáo đã được vua Minh Mệnh vận dụng như tư tưởng đức trị, yêu dân, làm cho dân yên ổn; những yêu cầu về phẩm chất của quan lại; tư tưởng đề cao giáo dục, phổ cập giáo hóa và sử dụng hiền tài... đã giúp cho nước Đại Nam trở thành một quốc gia hùng mạnh trong khu vực lúc bấy giờ. Khảo sát tư tưởng Nho giáo thể hiện trong tác phẩm *Minh Mệnh chính yếu* sẽ giúp chúng ta có những bài học bổ ích trong việc xây dựng xã hội hiện đại.

Nho giáo là một học thuyết chính trị và đạo đức đã manh nha trước thời Xuân Thu và về sau được Khổng Tử kế thừa và nâng cao lên để trở thành một trong những học thuyết quan trọng của văn hóa Trung Hoa. Tại Trung Hoa, từ nhà Hán đến nhà Thanh, Nho giáo là hệ tư tưởng thống trị xã hội. Đối với những nước chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa như Việt Nam, Nhật Bản và Triều Tiên, Nho giáo cũng trở thành công cụ tinh thần của nhiều triều đại phong kiến. Riêng ở Việt Nam, tư tưởng Nho giáo đã hiện diện ít ra là trong gần một nghìn năm - từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIX và đã chi phối mọi tổ chức và hoạt động của nhiều triều đại phong kiến Việt Nam. Triều Nguyễn là triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam cũng vận dụng Nho giáo trong cai trị đất nước (mặc dù trong thực tế, ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác có sự vận dụng mềm dẻo quan điểm “Đương Nho, âm Pháp”).

Trong lịch sử thăng trầm của nhà Nguyễn, sự cai trị của vua Minh Mệnh (1820 – 1841) đã để lại nhiều bài học cho hậu thế. Xã hội Việt Nam dưới thời vua Minh Mệnh được xem là thịnh trị trên nhiều lĩnh vực. Kế tục xuất sắc sự nghiệp chính trị của vua

Gia Long và làm mẫu mực cho các đời vua sau là công lao to lớn của vua Minh Mệnh. *Minh Mệnh chính yếu* là một tác phẩm được Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, bắt đầu chấp bút dưới thời vua Minh Mệnh, hoàn thành dưới thời vua Tự Đức và được sửa chữa, khắc in năm 1907 dưới thời vua Thành Thái. Qua nội dung của *Minh Mệnh chính yếu* chúng ta có thể nhận thức được nhiều bài học lịch sử liên quan đến tư tưởng chính trị cũng như hiệu quả của guồng máy cai trị dưới thời vua Minh Mệnh. Đây là căn cứ để có sự đánh giá khách quan những đóng góp cũng như hạn chế của một triều đại trị vì đất nước. Đặc biệt những tư tưởng chính trị của vua Minh Mệnh, trong đó có tư tưởng Nho giáo, về nhiều mặt, vẫn là những bài học cho việc xây dựng xã hội Việt Nam hiện đại.

1. Các nội dung cơ bản trong tư tưởng chính trị của Nho giáo

1.1. Tư tưởng thiên mệnh

Trong quan niệm của người Trung Hoa, các đế vương dựng nên triều đại đều do mệnh trời, mà đặc biệt Văn Vương – người khai sáng nhà Chu là “có mệnh tự trời” (*Kinh Thi*; Đại nhã). Khổng Tử cũng nói vua Thuấn được vua Nghiêu truyền ngôi là do “lịch số của trời” (*Luận ngữ*; Nghiêu viết). Khổng Tử lại cho rằng đạo có thi hành được hay không cũng do thiên mệnh (*Luận ngữ*; Hiến vấn). Những biến cố xảy ra trong nhân sự cũng được Nho giáo giải thích là do mệnh trời. Khổng Tử luôn lấy những mẫu mực tư tưởng của thời Tây Chu làm chuẩn cho lý tưởng của mình, do đó ông và những người sau, đi từ chỗ thừa nhận thiên mệnh đến thừa nhận thuyết “*Thiên nhân hợp nhất*”, “*Thiên nhân cảm ứng*” hay “*Thiên nhân tương dữ*” (như của Đông Trọng Thụ sau này). Nếu hiện tượng tự nhiên có ảnh hưởng đến đạo đức của con người, thì đạo đức của con người cũng có ảnh hưởng đến hiện tượng tự nhiên như sao chổi, động đất, hạn hán, dịch bệnh... như *Kinh Thư* có nói: “Đứng đắn thì mưa phải thời; an ổn thì nắng phải thời; mưu trí thì lạnh phải thời; thánh minh thì gió phải thời”.

1.2. Tư tưởng đức trị: Khổng Tử từng nói “*Vi chính dĩ đức thí như Bắc thần, kỳ sở nhi chúng tinh cùng chi*” (*Luận ngữ* - Vi chính), nghĩa là: Người làm chính trị bằng đức thì như ngôi sao Bắc thần, ngôi sao này ở yên chỗ của nó mà muôn sao khác hướng về nó. Như vậy với Nho giáo, người làm chính trị phải chú trọng tu dưỡng nội tâm, có phẩm chất cao thượng để dẫn dắt người khác. Đức trị là nguyên tắc tối cao của Nho giáo. Việc tu dưỡng bản thân của những người theo đức trị được biểu hiện cụ thể như sau:

- Tư tưởng ái dân:

Tư tưởng ái dân cũng là một tiêu chuẩn cốt lõi của đức trị, nhân trị hay vương đạo theo quan niệm của Nho giáo. Khi được hỏi về vấn đề ái dân, Khổng Tử đã trả lời Lỗ Ai Công như sau: “*Giảm thu thuế, dân chúng sẽ no đủ; không quá nhiều làm phiền dân, dân sẽ ít phạm tội; ít phạm tội thì có thể sống lâu*”.

Về sau, Mạnh Tử cũng kế thừa và nâng cao tư tưởng đức trị bằng phạm trù Nhân

nghĩa. Mạnh Tử đã nói: "*Nếu người bậc trên mà vui với sự vui của dân thì dân cũng vui với sự vui của mình; nếu mình buồn với sự buồn của dân, thì dân cũng buồn với sự buồn của mình. Bậc quốc trưởng mà chia vui với thiên hạ, chia buồn với thiên hạ thì thế nào nền cai trị của mình cũng có bề hưng vượng vậy*". Với các nhà cầm quyền, theo Mạnh Tử chỉ có một phương pháp nên theo: "*Dân muốn việc gì, nhà cầm quyền nên cung cấp cho họ. Dân ghét việc gì nhà cầm quyền đừng làm đối với họ*".

- Phẩm chất người cầm quyền và quan hệ với dân:

Cần thực hiện những điều sau:

- Huệ nhi bất phí: gia ơn cho dân mà không lãng phí.

- Lao nhi bất oán: Sai dân làm việc khó nhọc mà dân không oán thán nếu thành quả lao động ấy quay trở lại phục vụ cho dân.

- Dục nhi bất tham: Ai cũng có nhu cầu cho cá nhân nhưng không được tham lam. Người làm vua, làm quan nếu đòi hỏi quá nhu cầu chính đáng của mình thì hóa ra tham lam và như vậy không thể làm gương cho người khác được.

- Thái nhi bất kiêu: Người quân tử, người cai trị luôn thư thái mà không kiêu ngạo. Phải thật sự tôn trọng dân.

- Uy nhi bất mãnh: Người cai trị phải uy nghiêm mà không hung dữ. Uy nghiêm, có lễ tiết thì dân kính trọng, hung dữ vì ý lại vào quyền thế thì dân ghét.

Theo Khổng Tử, đó là năm yêu cầu then chốt đối với người làm chính trị.

- Tư tưởng đề cao vai trò của giáo dục:

Tư tưởng coi trọng giáo dục của Khổng tử được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đánh giá là một tư tưởng trác việt (vượt trước thời đại). Mô hình *Bát điều mục* (tám điều phải rèn luyện, học tập của người quân tử) nêu trong sách *Đại học* đã dẫn đến một kết luận rằng: Khổng tử đặt ra tiêu chuẩn cho người quân tử (tầng lớp tham gia guồng máy cai trị trong tương lai) là phải có học vấn và khẳng định quá trình học tập sẽ làm cho bản chất người ta khác nhau (*Tính tương cận, tập tương viễn*). Đó chính là hiệu quả của việc giáo dục mà Nho giáo đã nhìn thấy rõ.

2. Vua Minh Mệnh với việc vận dụng tư tưởng chính trị của Nho giáo

2.1. Sự vận dụng tư tưởng thiên mệnh

Trong thiên *Kính Thiên* (thiên mở đầu của sách *Minh Mệnh chính yếu*) đã ghi lại những suy nghĩ, việc làm chịu ảnh hưởng tư tưởng thiên mệnh của vua Minh Mệnh.

Vua Minh Mệnh cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng “Thiên nhân tương cảm”, “Thiên nhân tương dữ” của Đổng Trọng Thư đòi Hán và tin rằng giữa trời và vua có mối quan hệ mật thiết. Vua Minh Mệnh đã nói: “*Ôi, khoảng giữa trời và người giao*

cảm, khó xen kẻ tóc, có ở dưới thì ứng ở trên, lời nói đời xưa không phải là dối ta, vua tôi ta từ nay ngày ngày thêm kính cẩn để vâng theo phúc trời cho dài lâu vậy!”¹

Theo vua Minh Mệnh thì người làm vua phải kính trời, sự kính trọng ấy thể hiện ở chỗ biết sửa lỗi lầm khi trời giáng họa để răn đe. Khi vua sửa chữa lỗi lầm thì trời ban cho điều tốt. Sự nghiêm khắc và nhân từ của trời đối với vua cũng như của vua với dân. Trong suy nghĩ của vua Minh Mệnh có một quan hệ kéo theo trong vấn đề thiên mệnh, đó là vua phải kính trời và vua phải chăm lo răn dạy, cai trị dân và hành xử với dân như trời hành xử với vua. Trong *Đại Nam thực lục chính biên*, có ghi lời vua Minh Mệnh rằng: “Vua phải kính trời, bởi lẽ trời đối với vua cũng như vua đối với bầy tôi. Vua có điều xấu, trời sẽ giáng tai họa răn đe để cảnh báo; nếu vua biết hối cải sửa mình thì ban cho điều tốt. Bầy tôi có lỗi, vua phải giáng phạt để trừng trị; nếu bầy tôi biết hổ thẹn, có gắng khắc phục lỗi thì liệu đó mà cất nhắc lên. Việc có khác, lẽ cũng chỉ là một”²

Trong *Minh Mệnh chính yếu* ghi lại rất nhiều những phát biểu của vua Minh Mệnh về vấn đề này. Mỗi khi gặp thiên tai, dịch bệnh vua Minh Mệnh đều cho cầu đảo, bên cạnh đó ông cũng nhận trách nhiệm về mình và giải quyết những vấn đề rất thực tế để khắc phục cái bất lợi cho dân. Ví dụ vua Minh Mệnh từng nói: “*Gần đây không mưa, việc nhà nông ít được thỏa nguyện. Trẫm rất thực lòng răn xét mình mọi việc. Nay hình ngục để ứ đọng như vậy, dễ khiến khí hậu không hòa, há chẳng phải do đó mà nên*”³. Và ông đã lệnh cho quần thần nhanh chóng giải quyết các án hình ngục.

Việc tế Giao (tế Trời) được vua Minh Mệnh kính cẩn thực hiện.

Trong 21 năm tại vị của vua Minh Mệnh, không năm nào *Minh Mệnh chính yếu* không ghi chép những vấn đề liên quan đến thiên mệnh. Qua những phát biểu của vua Minh Mệnh về mệnh trời, về việc “Kính Thiên” chúng ta có thể tạm kết luận như sau:

- Vua Minh Mệnh tin có trời, có thiên mệnh. Ý nghĩa của sự tế tự trời là sự thành kính đức, đạo và mệnh trời để suy nghĩ và hành động cho đúng. Bản thân thiên mệnh là sự chân thành. Con người hiểu được đạo trời chân thực cũng trở nên chân thực mà cảm ứng với trời.

- Thừa nhận việc làm của con người, nhất là người làm vua, tốt hay xấu đều ảnh hưởng đến hiện tượng tự nhiên. Vì vậy, trách nhiệm của bậc thiên tử là phải giữ mình, không làm điều sai trái ảnh hưởng đến muôn dân.

- Từ những nhận thức trên, dẫn đến một tư tưởng chính trị của vua Minh Mệnh khi bàn đến mệnh trời là: Cuộc sống của xã hội loài người có cương thường, luân lý ràng buộc, trong phạm vi từ nhà đến nước, đến thiên hạ phù hợp với tính nhất thể của

¹ *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1994, thiên Kính Thiên, tr. 37.

² *Đại Nam thực lục chính biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, t.17, tr. 70.

³ *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1994, thiên Kính Thiên, tr. 30

muôn vật, trời đất. Nhà có người đứng đầu của nhà, nước có người đứng đầu của nước, thiên hạ có người đứng đầu của thiên hạ và cả muôn vật, trời đất cũng phải có đáng chí tôn. Quyền hành của vua gắn chặt với quyền hành của trời.

- Dù còn mang sắc thái “bất khả tri” khi bàn về thiên mệnh nhưng điều dễ nhận thấy nhất trong tư tưởng của vua Minh Mệnh là người làm vua phải luôn tâm niệm sửa mình, làm những điều tốt đẹp cho dân.

2.2. Sự vận dụng tư tưởng đức trị

Đức trị hay *Nhân trị* hay *Vương đạo* là những phạm trù có nội dung rộng lớn. Có thể nói đức trị là hạt nhân trong học thuyết của Khổng – Mạnh. Trong *Minh Mệnh chính yếu*, sự vận dụng tư tưởng đức trị của Minh Mệnh thể hiện ở những luận điểm sau:

- Tư tưởng ái dân:

Trong *Minh Mệnh chính yếu*, Quyển 6 và Quyển 7, Thiên thứ tám (thượng, hạ) có tên là *Ái dân*. Thiên này ghi lại những vấn đề cụ thể về việc giảm thuế, chu cấp cho dân khi khó khăn vì thiên tai, hạn hán... Vua Minh Mệnh luôn khẳng định, người cai trị phải là người thấm nhuần quan điểm đức trị và thực hiện ái dân. Cụ thể là làm cho dân yên ổn, đủ ăn, đủ mặc; khi dân gặp tai ương thì phải bảo bọc, giúp đỡ một cách cụ thể. Trong *Minh Mệnh chính yếu* có hơn 120 đoạn nói về việc phát chẩn cho dân; hơn 80 đoạn nói về việc giảm thuế cho nhiều đối tượng. Không chỉ quan tâm đến người Kinh, vua Minh Mệnh còn quan tâm đến việc giảm thuế cho đồng bào Mán, Nùng và các dân tộc khác. Mặt khác, vì ái dân, vua Minh Mệnh hành xử rất quyết liệt đối với người làm hại dân. Sách *Đại Nam thực lục* ghi lại sự việc vào năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), Nguyễn Cư Tuấn (con của Nguyễn Cư Trinh) làm cai bạ Quảng Trị, nhận hối lộ đến 900 quan. Vua kết án tử nhưng may mắn gặp dịp ân xá nên bị tội đồ 6 năm và thu lại tiền nhận hối lộ để trả cho dân. Năm Minh Mệnh thứ tư (1823), Lý Hữu Diệm làm thư lại phủ Nội vụ, lấy trộm hơn một lạng vàng trong kho, bộ Hình xử tội đồ, vua Minh Mệnh không phê chuẩn, xử tội chém và bêu đầu cho dân chúng biết. Rất nhiều trường hợp tham nhũng khác đã bị xử tội nghiêm khắc như thế.

Một trong những khía cạnh của tư tưởng ái dân còn là “*Sử dân dĩ thời*” – tức là sai khiến người dân phải đúng lúc mà Nho giáo thường xuyên nhắc nhở. Bên cạnh việc giảm thuế đối với những vùng bị thiên tai hoặc những người bị hỏa hoạn, bệnh tật, vua Minh Mệnh còn từng nhiều lần chỉ dụ cho các quan phải cân nhắc sức dân trong những công việc nặng nhọc. Khi dân gặp thiên tai, dịch bệnh, không được sai dân đi làm những việc công ích thái quá khiến sức dân suy kiệt. Qua *Minh Mệnh chính yếu*, chúng ta thấy vua Minh Mệnh đã có nhận thức sâu sắc về nguyên nhân của những tệ nạn xã hội như trộm cướp - làm cho cuộc sống người dân không được yên ổn. Ông đã nói với Lãnh binh Bắc thành Trần Quang Tĩnh rằng: “*Nhân tình ai không muốn yên, há lại vui thích làm trộm cướp hay sao? Nhân tình trạng bị áp bức, không nơi kêu ca tố giác, cho*

nên tụ tập làm trộm cướp. Trẫm xem bản án của bộ Hình tâu lên, thấy có việc dân báo cáo trộm cướp mà viên chức giữ việc bắt bớ cho là hoang báo, thậm chí còn yêu sách của đút, sự tệ hại không thể nói xiết được. Dân mà không yên ổn làm ăn đến nỗi làm trộm cướp là lỗi tại viên chức vậy”⁴. Với tinh thần đầy trách nhiệm của người cai trị tối cao, vua Minh Mệnh dũng cảm nhìn nhận một thực tế là các tệ nạn xã hội như trộm cướp đều bắt nguồn từ hạng quan lại sâu mọt.

Ái dân còn thể hiện ở một khía cạnh khác là nhà cầm quyền chi dùng tiết kiệm. Chủ đề này được ghi tập trung ở thiên thứ 10 với tên gọi là *Sùng kiệm* (quý trọng việc kiệm ước). Vua Minh Mệnh khi ban tiền, gạo cho ai đều dặn dò rằng: *Bổng lộc là máu mỡ của dân, nên nghĩ cách kiệm ước, chớ có xa xỉ mà làm hại đức*. Có thể nói vua Minh Mệnh đã để mắt đến tất cả mọi việc lớn nhỏ nhằm thực hiện kiệm ước. Việc may mặc trong cung, vua Minh Mệnh cũng khuyến cáo về sự phung phí vải vóc và ra lệnh phạt nặng những ai cố tình vi phạm. Ngay cả mực viết chữ Hán, ông cũng lệnh dùng khói cây và lá thông thay cho khói trám đất tiền.

Có thể nói tư tưởng ái dân của vua Minh Mệnh được thể hiện cụ thể ở những việc làm sau: cứu giúp người dân khi hoạn nạn, đặc biệt là lo cho cái ăn, cái mặc của họ, giảm thuế khóa, trợ cấp cho những đối tượng đặc biệt; bảo vệ cuộc sống bình thường của người dân trước sự những nhiễu của trộm cướp hay giới quan lại lạm quyền; sai khiến dân đúng thời điểm và thực hiện chính sách sùng kiệm trên cả nước.

- Quan niệm về quan hệ vua - quan - dân:

Trong quan hệ vua tôi, vua Minh Mệnh hết sức chú ý phát huy sự gắn bó giữa vua quần thần. Ông thật sự muốn giải quyết quan hệ *Quân quân, thần thần* (làm vua cho xứng đáng là vua, làm bề tôi cho xứng đáng là bề tôi). Ông cho đây là quan hệ hai chiều: vua thì xem xét công việc, sửa trị quan lại và quần thần phải gần gũi, trung thực đối với vua. Trong thiên Cần chính, ngoài yếu tố siêng năng, hết lòng với chức trách, trung thực với vua, vua Minh Mệnh còn yêu cầu quan lại phải gần dân, thấu hiểu cuộc sống của họ. Quan lại địa phương nào chậm trễ việc báo cáo những vấn đề nảy sinh trong địa phương mình cai trị, đều bị vua Minh Mệnh trách phạt. Thiên *Thể thần* ghi chép rõ sự quan tâm của vua Minh Mệnh đối với các công thần. Có người được gia tăng chức tước, ban bổng lộc; có người sau khi mất, cho con được tập ấm; người bệnh tật được chăm sóc chu đáo.

Lý tưởng vua sáng, tôi hiền phần nào đã được thực hiện dưới triều vua Minh Mệnh. Ngoài ra đối với mọi người trong xã hội, vua Minh Mệnh đã ban hành Mười huấn điều vào năm 1834 và sai quan lại phổ biến trong dân chúng để răn dạy đạo đức, nhằm làm cho các mối quan hệ xã hội cũng như từng cá nhân trở nên tốt đẹp.

⁴ *Minh Mệnh chính yếu*, sdd, thiên Ái dân, tr. 266.

- Quan niệm về đề cao vai trò của giáo dục và cầu người hiền tài

Vua Minh Mệnh đã vận dụng những tư tưởng quan trọng của Nho giáo vào sự nghiệp giáo dục của triều đại mình. Ông từng nói: *“Từ xưa thánh đế minh vương lấy chính đạo để cai trị thiên hạ, tất thấy lấy việc giáo hóa dân chúng làm nhiệm vụ đầu tiên”*⁵. Như vậy, chính sách giáo dục dưới triều Minh Mệnh lấy học thuyết Nho giáo làm cơ sở, chủ trương dùng Nho giáo làm vũ khí tư tưởng để cố kết nhân tâm và củng cố chính quyền. Để thực hiện chính sách giáo dục, vua Minh Mệnh luôn đề cao việc tổ chức thi cử để tuyển dụng nhân tài và giáo hóa nhân tâm. Ông đề ra chính sách thưởng phạt nghiêm khắc. Vua Minh Mệnh đã nói: *“Trường học là nơi các kẻ sĩ ganh đua, nước nhà dùng người phần lớn lấy nhân tài ở nơi ấy. Ngày xưa đức Tiên đế ta lập trường Quốc Tử Giám, đặt các học quan, định ra phép tắc, muốn đào tạo nên nhân tài để nước nhà dùng. Trẫm noi theo chí Tiên đế, muốn dựng thêm nhà học, tăng thêm học viên, cấp nhiều học bổng, mở rộng chương trình khiến học trò đều được thành tài, để đợi khi lục dụng”*⁶. Hệ thống học đường dưới thời vua Minh Mệnh được mở rộng xuống cấp phủ và huyện vào năm 1823.

Nói đến sự nghiệp giáo hóa nói chung, ngoài tầng lớp tinh hoa, chúng ta cũng thấy tầm nhìn của vua Minh Mệnh trong việc quan tâm đến việc giáo dục cho quảng đại dân chúng. Trong thiên Giáo hóa, ông cho rằng lễ tiết quyết định chí hướng của dân, còn pháp chế thì ngăn chặn sự gian tà của dân. Những điều ấy sẽ làm thay đổi phong hóa của một nước. Ông đã nói với Trần thủ Quảng Nam là Đặng Chương rằng: *“Gần đây địa phương yên định, nhân dân lần lược yên ổn, hơn nữa thời tiết ôn hòa nên là năm được mùa, số nhân khẩu thêm đông đúc. Các người có trách nhiệm chăn dân, nên nghĩ đến việc tuyên dương giáo hóa, dạy trước điều lễ nhượng, bảo rõ việc nên ưa nên ghét, để làm hưng khởi phong tục tốt đẹp, tinh tú. Người xưa làm cho dân giàu, rồi sau dạy dân là như thế đó. Nên làm việc giáo hóa nhân dân, sửa sang phong tục, trong lúc bình thời. Nếu không dùng giáo hóa để đề phòng, sao có thể khiến dân gần điều thiện mà xa tội ác”*.⁷

Vua Minh Mệnh cũng quan tâm đến việc giáo hóa đối với các dân tộc ít người để họ dần dần tiếp thu văn hóa của người Kinh, nhằm tạo sự thống nhất phong hóa của đất nước.

Về việc cầu hiền, ngay năm đầu tiên lên ngôi (1820), vua Minh Mệnh đã xuống chiếu cho tất cả các quan lại về chủ trương cầu kẻ hiền tài để giúp vua trị nước. Ông đã nói: *“Kẻ hiền tài là đồ dùng của quốc gia, khi chưa gặp thời, nấu mình giấu tông tích, thì vua chúa làm sao mà biết được, cho nên ngoài việc khoa cử ra, còn cần có người đề*

⁵ *Huấn dịch thập điều*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1971, tr.34.

⁶ *Minh Mệnh chính yếu*, sđd, thiên Giáo hóa, tr. 208.

⁷ *Minh Mệnh chính yếu*, sđd, thiên Giáo hóa, tr.228.

cử, trẫm từ khi mới lên ngôi, gắng sức mưu đồ cho nước thịnh trị, rất muốn trong triều có nhiều kẻ sĩ đức hạnh tốt, mà không bỏ sót người hiền tài nào ở chốn thôn dã, để tô điểm sự nghiệp nhà vua dùng tiếng âm nhạc mà hóa dân trị nước”⁸. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), nhà vua tỏ ý nóng lòng vì chiếu cầu hiền ban ra đã lâu nhưng chưa có nhiều người được tiến cử và một lần nữa xuống chiếu nhắc việc cầu hiền.

Vua Minh Mệnh đặc biệt quan tâm đến việc tìm và sử dụng người tài giỏi ở đất Bắc hà. Điều này có nhiều nguyên do, thứ nhất, đất Bắc hà là đất học, có nhiều nhân tài trong lịch sử; thứ hai, vua Minh Mệnh muốn thực hiện một chính sách thu phục nhân tâm thông qua việc cầu hiền đối với những người trung thành với nhà Lê trước đây. Vua Minh Mệnh đã có 4 lần xuống chiếu cầu hiền vào các năm 1820, 1822, 1827 và 1830.

Qua những nội dung được ghi lại trong hai thiên Giáo hóa và Cầu hiền, chúng ta có thể thấy những tư tưởng chính trị cơ bản của vua Minh Mệnh là:

- Việc xây dựng đất nước cần phải có những người tài giỏi giúp sức mới thành công được. Muốn có những người tài giỏi thì cần mở rộng và cải cách giáo dục để đào tạo nhân tài, trong đó chú trọng thực học.

- Sự nghiệp giáo hóa nói chung và giáo dục nói riêng vừa phải đạt được diện đại trà (giáo hóa cho con người nói chung) và diện tinh hoa (đào tạo người tài).

- Việc tuyển chọn nhân tài phải được tiến hành theo hai cách: thông qua hệ thống khoa cử và khuyến khích tiến cử người tài trong xã hội.

Trên đây là những vấn đề cơ bản trong việc vận dụng tư tưởng Nho giáo trong cai trị đất nước của vua Minh Mệnh. Bản thân Nho giáo cũng có sự thay đổi trong lịch sử. Nho giáo mà vua Minh Mệnh tiếp thu cơ bản là Tống Nho với nhiều nội dung bảo thủ. Tuy nhiên, với tư duy chú trọng giải quyết thực tiễn của mình, vua Minh Mệnh đã làm cho học thuyết này có những đóng góp lớn đối với việc an dân và làm cho Đại Nam trở nên hùng mạnh so với các nước trong khu vực.

3. Các bài học lịch sử từ tư tưởng chính trị Nho giáo của vua Minh Mệnh đối với ngày nay

Từ tác phẩm *Minh Mệnh chính yếu*, chúng ta có thể rút ra những bài học cho xã hội Việt Nam ngày nay là:

Tư tưởng chính trị Nho giáo dù bảo thủ nhưng cũng có những điểm cốt lõi có thể kế thừa như sau:

- Chế độ nào cũng cần thực hiện tư tưởng an dân. Chăm lo cho đời sống của các tầng lớp nhân dân là góp phần tạo nên sức mạnh cho chế độ.

⁸ *Minh Mệnh chính yếu*, sđd, thiên Cầu hiền., tr.147.

- Việc cải cách hành chính dưới thời Minh Mệnh là một mẫu mực mà ngày nay chúng ta vẫn đang kế thừa và cần nâng cao nó cho phù hợp với chế độ mới. Việc quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có đạo đức và năng lực để điều hành bộ máy hành chính của đất nước như vua Minh Mệnh đã làm, cũng là một bài học không bao giờ cũ.

- Thực hiện chính sách linh hoạt, quan tâm cụ thể đối với đời sống của đồng bào các dân tộc ít người cũng là một chiến lược lâu dài nhằm đảm bảo cho sự kết dân tộc và sự ổn định của chế độ. Việc xây dựng một nền giáo dục phổ cập cho mọi người cũng là cách để các dân tộc xích lại gần nhau vì một lý tưởng xã hội chung.

Về ngoại giao: chính sách ngoại giao của vua Minh Mệnh đã để lại nhiều bài học cay đắng cả trong quan hệ với các nước láng giềng cũng như với phương Tây. Sự nghi kỵ và bảo thủ có khi đã làm cho vận hội của dân tộc qua đi. Vua Minh Mệnh đặc biệt chú ý thần phục nhà Thanh, nhận sự phong vương của nhà Thanh. Còn đối với các nước phương Tây, ông không có thiện cảm. Tổng thống Mỹ lúc đó (1832) đã cho đưa quốc thư sang xin đặt quan hệ, nhưng nhà vua cũng không tiếp. Chính sách thụ động như vậy đã kìm hãm sự phát triển của đất nước. Ông không có thiện cảm với Thiên chúa giáo, chủ trương phải cấm đạo để giữ gìn phong tục nước nhà. Nhưng một mặt, ông vẫn cho người đi các nước ở vùng biển Đông để thông thương mua bán hàng hóa và làm một nhiệm vụ quan trọng hơn là tìm hiểu về các nước phương Tây thông qua các cơ sở kinh tế, quân sự của họ tại các nước Đông Nam Á. (dưới thời vua Minh Mệnh có 18 cuộc sứ sứ thần đi các nước) và cho học cách đóng tàu của người phương Tây.

Rõ ràng vua Minh Mệnh thừa sáng suốt để nhận ra những ưu thế về khoa học kỹ thuật của phương Tây, tuy nhiên ông vẫn thực hiện cấm đạo Thiên Chúa và rất thận trọng trong bang giao với Anh, Pháp, Mỹ lúc bấy giờ. Có nhiều cách giải thích cho chính sách ngoại giao này của vua Minh Mệnh. Có người cho rằng vì các lực lượng chống đối ông (như Lê Văn Khôi) có sự tham gia của giáo dân nên ông cảnh giác cao độ với phương Tây. Cũng có người cho rằng vua Minh Mệnh cảnh giác với sự xâm lược của phương Tây như đối với một số nước lúc bấy giờ. Tuy nhiên có thể thấy chính sách của vua Minh Mệnh đối với các nước phương Tây là khá linh hoạt theo phương châm tránh làm mất lòng các nước hùng mạnh cùng ý định tìm hiểu họ để rồi cố gắng đưa đất nước tiến gần hơn phương Tây theo cách của ông mà vẫn giữ được những nền tảng đạo đức cơ bản của một nước phương Đông theo Nho giáo.

Qua *Minh Mệnh chính yếu* có thể hiểu rằng: Trong quan hệ giữa các nước phương Tây đối với các nước Đông Nam Á, trong đó có Đại Nam ở đầu thế kỷ XIX, thì sự xâm nhập của phương Tây sang phương Đông có sức mạnh và sức hút khó cưỡng lại được. Vua Minh Mệnh vẫn là con người của truyền thống, vì vậy sự “chấp nhận” phương Tây của ông cũng trên tâm trạng vừa e dè, vừa cởi mở lại đan xen tâm lý bất ổn; vừa ngưỡng mộ, vừa xem thường với một nỗ lực muốn thoát khỏi nhưng bị chi phối bởi nhận thức về sức mạnh của ưu thế kỹ thuật phương Tây. Đó chính là thách thức trong việc lựa chọn lối ứng xử trước một xu thế mới. Tuy vậy xuyên suốt trong chính sách

ngoại giao với người phương Tây dưới thời vua Minh Mạng vẫn toát lên sự mềm dẻo, mang tính thích nghi cao. Chỉ tiếc rằng vua Minh Mệnh quá coi trọng quan hệ với nhà Thanh trên nên tăng ý chung là thức hệ Nho giáo nên ông không thể đi đến cùng việc đổi mới tư duy trong quan hệ với phương Tây. Sự suy sụp của triều Nguyễn về sau hẳn cũng bắt nguồn từ nguyên nhân cơ bản đó./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. (Nhiều tác giả), *Lịch sử nhà Nguyễn - một cách tiếp cận mới*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010.
2. Quang Đạm, *Nho giáo xưa và nay*, Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1999.
3. Chu Hy, *Tứ thư tập chú*, Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1998.
4. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh. 2000.
5. Nguyễn Thị Nga, Hồ Trọng Hoài, *Quan niệm của Nho giáo về giáo dục con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1994.
7. Nguyễn Hoài Văn, *Tìm hiểu tư tưởng chính trị Nho giáo Việt Nam từ Lê Thánh Tông đến Minh Mệnh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

THE IDEOLOGY OF ENLARGING CONFUCIANISM OF MINH MENCH KING IN *MINH MENCH CHINH YEU*

Le Canh Vung

College of Sciences, Hue University

Abstract. Confucianism is a social-political theory profoundly affecting the ruling policy of many Eastern countries, including Vietnam.

To the Nguyen dynasty – the last feudalist one in Vietnam, Confucianism was chosen to be the dominating theory when the Western ideas had not had any impact on the changes in thoughts of feudalist class. Minh MENCH was the second king of the Nguyen dynasty. After inheriting the Uniting Cause of Country from Gia Long king, he began contributing to building the country with a lot of difficulties. Minh MENCH king perfectly performed Confucianism after having chosen it as the building ideology to build a strong central-ruling government. The basic contents of Confucianism such as moral-ruling ideology, people security, requirements on mandarins' quality, education, enhancement, education popularization and intellectual people employment were applied by Minh MENCH King. All of these really helped Dainam become a powerful country in the region at that time. Doing a survey on Confucianism performed in *Minh MENCH chinh yeu* will enable us to get helpful lessons in building a modern society.